

Số: 79/2021/DS-ST
Ngày: 29-7-2021
V/v kiện đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG.**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiên Tịnh
2. Ông Phan Sỹ Phác.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 04/2021/TLST-DS ngày 04/01/2021 về việc kiện đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXX- DSST ngày 11 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2021/QDDS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2021;

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh D (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lương Thị H (*Có mặt*)

Địa chỉ: số A đường T, tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Thùy L (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày: Do quen biết nhau nên vào ngày 24/11/2009, bà Nguyễn Thị Minh D đã cho bà Trần Thị Thùy L trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ vay số tiền là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), thời hạn trả nợ đến

c cuối tháng 12/2009, lãi suất 2.000 đồng/ngày, khi mượn tiền hai bên không lập hợp đồng nhưng sau khi nhận tiền bà L có viết 01 giấy nhận nợ, có ký và giao giấy này cho bà D giữ. Đến thời hạn trả nợ, bà D đã nhiều lần yêu cầu bà L phải thanh toán số tiền gốc đã vay và khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận nhưng bà L vẫn không thanh toán cho bà D. Nay, bà Nguyễn Thị Minh D yêu cầu bà Trần Thị Thùy L phải thanh toán số tiền gốc đã vay là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu bà L phải trả khoản tiền lãi (trong hạn, quá hạn).

- Theo lời trình bày của bà Trần Thị Thùy L trong quá trình giải quyết vụ án: Vào ngày 24/11/2009, bà L có vay của bà Nguyễn Thị Minh D trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ số tiền là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), hạn đến cuối năm 2009 (dương lịch) sẽ trả nợ, vay có lãi suất nhưng không nhớ lãi suất là bao nhiêu, khi vay hai bên không lập hợp đồng nhưng bà L có viết 01 giấy nhận nợ (do chính bà L viết và có ký nhận) khi nhận tiền và giao giấy này cho bà D giữ. Vào năm 2010, bà L đã trả cho bà D được 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); bà L chỉ nhớ khi trả nợ (năm 2010) đã trực tiếp đưa tiền trả cho bà D 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), khi trả không viết giấy trả tiền, không có ai khác ngoài bà L và bà D, còn việc bà D có xé hay gạch bỏ giấy nhận nợ ngày 24/11/2009 thì bà L không biết. Đối với số tiền đã vay 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) của bà D, bà L đã trả cho bà D được 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) nên bà L chỉ đồng ý thanh toán số tiền còn nợ là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho bà D nhưng hiện tại kinh tế bà L đang gặp khó khăn nên bà L đề nghị bà D cho thêm thời gian được trả dần số tiền còn nợ là 10.000.000 đồng.

Đối với bà Trần Thị Thùy L (bị đơn) trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã tiến hành tổng đạt hợp lệ văn bản của Tòa án để làm việc, nhưng bà L vẫn vắng mặt tại phiên tòa (lần thứ hai) nên đã không có lời trình bày tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Thùy L phải trả số tiền 25.000.000 đồng đã vay và không yêu cầu trả lãi (trong hạn, quá hạn).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã thụ lý và giải quyết theo đúng trình tự, thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 93, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 25.000.000 đồng.

- Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil nhận định như sau:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1] 1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Minh D khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thùy L (cư trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ) phải thanh toán số tiền 25.000.000 đồng đã vay, không yêu cầu trả lãi nên đây là quan hệ tranh chấp về kiện đòi lại tài sản đã vay và theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

[2] 1.2. Về sự vắng mặt của bị đơn: Đối với bà Trần Thị Thùy L (bị đơn), Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng bà L đều vắng mặt mà không có lý do nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Thùy L (là bị đơn) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung tranh chấp kiện đòi lại tài sản cho vay:

2.1. Về số nợ: Vào ngày 24/11/2009, bà Nguyễn Thị Minh D đã cho bà Trần Thị Thùy L (trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ) vay số tiền là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay đến cuối tháng 12/2009, lãi suất 2.000 đồng/ngày, khi vay hai bên không lập hợp đồng nhưng bà L có viết 01 giấy nhận nợ, có ký và giao giấy này cho bà D giữ. Đối với số tiền vay là 25.000.000 đồng và thời hạn trả nợ cũng đã được bà Trần Thị Thùy L (bị đơn) thừa nhận tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai nên giữa bà Nguyễn Thị Minh D và bà Trần Thị Thùy L có phát sinh quan hệ vay tài sản, việc bà L vay của bà D số tiền 25.000.000 là có thật, nội dung thỏa thuận của các bên phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về hợp đồng vay tài sản.

Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết*

luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

2.2. Về thời hạn trả nợ: theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng vay thì thời hạn trả nợ là cuối tháng 12/2009, đến hạn trả nợ bà D đã nhiều lần đến gặp và yêu cầu bà L phải trả số tiền đã vay là 25.000.000 đồng nhưng bà L đã hẹn hết lần này đến lần khác nhưng vẫn không thanh toán số nợ này; trong bản tự khai và biên bản lấy lời khai bà L cũng thừa nhận về thời hạn trả nợ là cuối tháng 12/2009. Như vậy, bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm thời hạn trả nợ theo giấy nhận nợ đã cam kết.

Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; Khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng...”*.

Khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân năm 2005 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn ...”*.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai của bà Trần Thị Thùy L trong quá trình giải quyết vụ án, bà L cho rằng: Vào năm 2010, bà L đã trả cho bà D được 15.000.000 đồng, nên bà L chỉ còn nợ bà D có 10.000.000 đồng. Bà L chỉ nhớ là đã đưa tiền trả cho bà D 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), khi trả không viết giấy trả tiền, không có ai khác ngoài bà L và bà D, còn việc bà D có xé hay gạch bỏ giấy nhận nợ ngày 24/11/2009 thì bà L không biết. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Minh D cho rằng bà L chưa trả số tiền 15.000.000 đồng, bà L cũng không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ, tài liệu nào để thể hiện đã trả cho bà D số tiền 15.000.000 đồng. Do đó, không có căn cứ để xác định bà L đã trả cho bà D số tiền 15.000.000 đồng.

Tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được hoặc chứng minh không đầy đủ đó”*.

2.3. Về tiền lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn): Trong giấy nhận nợ, hai bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay nhưng trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền lãi (lãi trong hạn, lãi quá hạn) nên Tòa án không xem xét, giải quyết về khoản tiền lãi.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh D (nguyên đơn) đối với bà Trần Thị Thùy L (bị đơn) là có căn cứ và cần buộc bà Trần Thùy L phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Minh D số tiền 25.000.000 đồng còn nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh D

(nguyên đơn) được chấp nhận nên bà Trần Thị Thùy L (bị đơn) phải chịu số tiền 1.250.000 đồng (25.000.000 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 121, Điều 255, Điều 256, Điều 471, Điều 474 và Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh D (nguyên đơn) đối với bà Trần Thị Thùy L (bị đơn) về việc kiện đòi tài sản.

1. Buộc bà Trần Thị Thùy L phải trả cho bà Nguyễn Thị Minh D số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thùy L phải chịu số tiền 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 625.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003847 ngày 04/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng